

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Thanh Khỏe.

2. Ông Lý Văn Nùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đàm Thị H**, sinh năm 1997, nơi ĐKTT: Xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nông Văn D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nông Văn D1**, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nông Văn T**, sinh năm 1956 và bà **Đàm Thị V**, sinh năm 1960 cùng địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Ông T, bà V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Đàm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đàm Thị H chung sống với ông Nông Văn D1 từ năm 2014, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do ông D1 nghiện ma túy và thường xuyên bạo hành gia đình, mỗi lần say rượu đuổi bà H ra khỏi nhà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D1.

Về nuôi con: Bà H và ông D1 có 01 con chung là Nông Thị P, sinh ngày 18-12-2014. Hiện nay, cháu P đang sống với ông bà nội là ông Nông Văn T, sinh năm 1956 và bà Đàm Thị V, sinh năm 1960 cùng địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, bà H không có chỗ ở ổn định, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu P nên bà H yêu cầu giao cháu P cho ông D1 nuôi, bà H cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông D1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nông Văn D1 được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không hợp tác.

Theo biên bản xác minh ngày 12-12-2024, tại xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng: Bà H và ông D1 sống ly thân từ tháng 4/2023 (*bà H bỏ về nhà mẹ đẻ, ông D1 thường xuyên đi làm thuê xa nhà không rõ địa chỉ*). Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông D1 đi làm thuê xa nhà nhưng không quan tâm, hỗ trợ bà H nuôi con, ông D1 còn mắc vào tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy. Bà H và ông D1 có 01 con chung là Nông Thị P, hiện nay cháu 10 tuổi, từ nhỏ đến nay chủ yếu sống với ông bà nội, được ông bà chăm sóc và đưa đi học. Bà H và ông D1 không có tài sản chung và nợ chung. Ông D1 biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã T tổng đạt văn bản của Tòa án cho ông D1 nhưng ông D1 không nhận, cán bộ xã đã đọc nội dung văn bản cho ông D1 biết.

Tại bản tự khai ngày 12-12-2024, cháu Nông Thị P có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-12-2024, ông Nông Văn T và bà Đàm Thị V khai: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông D1 là do bà H có tình cảm với người khác, thường xuyên bỏ nhà đi. Ông D1 biết Tòa án đang giải quyết ly hôn, giấy tờ do Tòa án gửi ông D1 không trực tiếp nhận được nhưng ông T và bà V đều thông báo lại cho ông D1 biết. Do bà H có quan hệ với người khác nên ông D1 đồng ý ly hôn với bà H. Bà H và ông D1 có 01 con chung là Nông Thị P, từ nhỏ cháu P sống với ông T và bà V. Nếu ông D1 ly hôn với bà H, ông T và bà V sẽ tạo điều kiện, giúp đỡ ông D1 nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu bà H đóng góp tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, ông Nông Văn D1 vắng mặt, bà Đàm Thị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống giữa bà H và ông D1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo lời khai của bà H và kết quả xác minh của Tòa án, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D1 sử dụng ma túy, bạo lực gia đình. Bà H không chịu được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2023, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Như vậy, mâu thuẫn của bà H và ông D1 đã diễn ra một thời gian dài, trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xem xét giải quyết cho bà H được ly hôn với ông D1.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Nông Thị P, sinh ngày 18-12-2014. Sau khi ly hôn, bà H không có chỗ ở ổn định, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu P. Mặt khác, hiện nay cháu P đang sống với bố và ông bà nội, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu, mong HĐXX xem xét giao cháu P cho ông D1 nuôi, bà H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình trốn tránh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm Điều 39, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Đàm Thị H. Giao cháu Nông Thị P, sinh ngày 18-12-2014 cho ông Nông Văn D1 nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đàm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nông Văn D1. Ông D1 thường trú tại xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến tham gia phiên tòa vào ngày 21-01-2025 nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa vào ngày 19-02-2025 nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D1 đăng ký kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu. Hôn nhân giữa bà H và ông D1 là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D1 sử dụng ma túy, không có trách nhiệm, bạo hành gia đình, mỗi lần say rượu đánh đuổi bà H ra khỏi nhà. Quá trình giải quyết vụ án, ông D1 không hợp tác nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của D1. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 12-12-2024 thể hiện vợ chồng bà H, ông D1 mâu thuẫn và đã ly thân từ năm tháng 4 năm 2023. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”; “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông D1 không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau mà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Ông D1 biết việc bà H yêu cầu ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông D1 do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà H.

[3] Về con chung: Theo lời khai của bà H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định được, bà H và ông D1 có 01 con chung là Nông Thị P, sinh ngày 18-12-2014. Hiện nay, cháu P đang sống với bố và ông bà nội tại xóm N, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Tại bản tự khai, cháu P có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống với bố và ông bà nội. Bà H khai không có tài sản riêng, chưa có chỗ ở ổn định sau ly hôn. Xét thấy yêu cầu của bà H về việc giao cháu P cho ông D1 nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và nguyện vọng của cháu P, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng, mức cấp dưỡng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung. Trong quá trình nuôi dưỡng, bà H và ông D1 đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đàm Thị H và ông Nông Văn D1 không có tài sản chung và nợ chung, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đàm Thị H thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị H được ly hôn với Nông Văn D1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 011/2017 giữa Đàm Thị H và Nông Văn D1 đăng ký ngày 04-5-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị P, sinh ngày 18-12-2014 cho ông Nông Văn D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và bà Đàm Thị H cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, bà H được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H, ông D1 đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đàm Thị H được miễn án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Thành Công;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Nguyệt Thu